

Bản án số: 149/2026/HS-ST
Ngày: 16-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tơ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Quang.

2. Ông Lê Văn Tuấn.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2026/TLST-HS ngày 14 tháng 8 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 128/2026/QĐXXST-HS ngày 21 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Tấn C** (tên gọi khác: không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 24 tháng 11 năm 1990 tại tỉnh Tây Ninh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Nghề nghiệp: Không; Nơi thường trú: **số B khu phố B, Phường K, tỉnh Tây Ninh** (nay là 289 **khu phố B, phường K, tỉnh Tây Ninh**); Chỗ ở hiện nay: Nhà trọ không tên, **số B, khu phố R, phường K, tỉnh Tây Ninh**; Cha là **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1967 (đã chết); Mẹ là **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1965; Vợ là **Lê Thị Hồng T1**, sinh năm 1995, đã ly hôn; Có hai người con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2015.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị tạm giam tại Phân trại tạm giam **T** thuộc trại tạm giam số 2 **công an tỉnh T** từ ngày 28/4/2026 cho đến nay.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Bị hại:

2.1. Ông **Nguyễn Chí T2**, sinh năm 2007; Địa chỉ: **ấp E, xã M, tỉnh Tây Ninh**. (Có mặt)

2.2. Bị hại: Ông **Phạm Trung H**, sinh năm 1988. Địa chỉ: **khu dân cư L, khu phố L, phường K, tỉnh Tây Ninh** (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Tấn C là người không có nghề nghiệp ổn định. Do cần tiền tiêu xài nên **C** nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Từ tháng 02/2026 đến tháng 4/2026, **Nguyễn Tấn C** đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn **phường K và xã M, tỉnh Tây Ninh**, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ 30 phút ngày 22/02/2026, **C** đi bộ từ phòng trọ tại **số B khu phố R, phường K, tỉnh Tây Ninh, đến khu đô thị L** để tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 02 giờ 20 cùng ngày, **C** thấy bên trong khuôn viên **Trung tâm H1** tại **khu đô thị L, khu phố R, phường K, tỉnh Tây Ninh** có một xe mô tô biển số 62AB-015.67 do **Phạm Trung H** là chủ sở hữu để ở sân, không người trong coi. **C** đi lại gần kiểm tra thì phát hiện cửa cổng của sân thể thao không khoá. Lúc này, **C** quan sát xung quanh không có người nên **C** kéo cửa cổng rồi đi vào bên trong đến vị trí xe mô tô, thấy chìa khóa còn gắn trên xe. **C** dẫn xe đi ra ngoài, khởi động xe chạy về phòng trọ và làm phương tiện đi lại. Sau khi mất xe ông **Phạm Trung H** không trình báo Công an.

Vụ thứ hai: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 25/4/2026, **Nguyễn Tấn C** điều khiển xe mô tô nhãn hiệu DEALIMIKD biển số 62AB-015.67 đã lấy trộm được trước đó tại **phường K** đến cửa hàng thịt bò **N** tại **ấp E, xã M, tỉnh Tây Ninh** do anh **Nguyễn Chí T2** làm chủ để mua thịt bò. **C** đậu xe bên ngoài và đi vào nhà thấy **T2** đang nằm võng ngủ, **C** quan sát xung quanh và phát hiện 01 cái ví da màu đen của **T2** để trên bàn nhựa màu đỏ nên **C** nảy sinh ý định lấy trộm ví da. **C** đi lại vị trí cái ví da và lấy ví, cất giấu vào túi quần, lấy xe chạy về hướng ngã tư **M**. Sau đó, **T2** kiểm tra thì phát hiện ví của mình bị mất nên lấy xe mô tô đuổi theo **C** nhưng không kịp. Sau khi lấy trộm tài sản, **C** điều khiển xe đến khu vực cầu vượt số 9 thuộc địa phận tỉnh Đồng Tháp thì dừng lại kiểm tra, bên trong ví có số tiền Việt Nam 5.570.000 đồng và một số giấy tờ tùy thân. **C** đã sử dụng 5.080.000 đồng vào mục đích cá nhân, còn lại 490.000 đồng. Khoảng 15 giờ cùng ngày, **C** điều khiển xe mô tô đến khu vực **phường L, tỉnh Tây Ninh** thì bị **Công an xã M** mời làm việc, tạm giữ các tang vật có liên quan. Tại Cơ quan Công an, **Nguyễn Tấn C** thừa nhận toàn bộ hành vi lấy trộm tài sản của người khác. Số tiền 490.000 đồng còn lại cùng giấy tờ tùy thân và cái ví da màu đen đã được Cơ quan điều tra trả cho ông **T2**. Trong quá trình điều tra, **C** tự nguyện khai báo hành vi trộm cắp xe mô tô ngày 22/02/2026 trước khi hành vi này bị phát hiện.

Tại kết luận định giá tài sản số 440 ngày 14/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **xã M** kết luận: giá trị cái ví da màu đen, nhãn hiệu GIORGIO, kích thước 23 x 10cm, tình trạng đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 25/4/2026 là 20.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 24 ngày 21/5/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự **phường K**, kết luận: giá trị xe mô tô nhãn hiệu DEALIMIKD, màu sơn đen đỏ, loại xe 02 bánh dưới 50cm³, số khung

RLPGCB7UMRB003649, số máy VZS139FMB106003649, biển số 62AB-015.67, đã qua sử dụng, tại thời điểm ngày 22/02/2026 là 3.767.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 2097/KL-KTHS ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Phòng K Công an tỉnh T, kết luận: File video có tên “Video” có mã MD5 gồm 32 ký tự (35A826F9 – FBE2D1B4 – 1991AAFD – 40000C57) được lưu trữ trong USB gửi giám định không phát hiện cắt ghép, chỉnh sửa.

Tại Cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 13/8/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh truy tố Nguyễn Tấn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Tấn C về tội “Trộm cắp tài sản”. Trong phần luận tội, Kiểm sát viên đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 50, các điểm r, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn C từ 01 năm đến 02 năm tù.

Về xử lý vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm dạng nửa đầu màu trắng, lưới trai màu đen, nhãn hiệu LONG THANH; 01 áo sơ mi dài tay màu xám trắng, nhãn hiệu MANGO; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, nhãn hiệu SLIM FIT đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi ngắn tay màu trắng, nhãn hiệu WIN đã qua sử dụng; 01 quần tây vải màu đen, không nhãn hiệu.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Trung H đã nhận lại 01 xe mô tô nhãn hiệu DEALIMIKD, màu sơn đen đỏ, loại xe hai bánh dưới 50 cm³, biển số 62AB-015.67, số khung RLPGCB7UMRB003649, số máy VZS139FMB106003649, đã qua sử dụng và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị không xem xét giải quyết. Ông Nguyễn Chí T2 đã nhận lại 490.000 đồng. Trước phiên tòa, ông T2 yêu cầu bị cáo Nguyễn Tấn C hoàn trả 5.080.000 đồng đã chiếm đoạt. Tại phiên tòa, ông T2 không còn yêu cầu bị cáo hoàn trả số tiền này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bị cáo không thực hiện quyền tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về

hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng nêu trên là hợp pháp.

Bị hại **Phạm Trung H** vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy ông **H** đã có lời khai trong hồ sơ, đã nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Sự vắng mặt của ông **H** không trở ngại cho việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông **H** theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Tấn C** thừa nhận hành vi lấy trộm tài sản như nội dung cáo trạng. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, biên bản thu giữ vật chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác đã được xem xét tại phiên tòa. Có đủ cơ sở xác định: Ngày 22/02/2026, lợi dụng lúc không có người trông coi, bị cáo lén lút lấy xe mô tô biển số 62AB-015.67 của ông **Phạm Trung H**, trị giá 3.767.000 đồng. Ngày 25/4/2026, lợi dụng lúc ông **Nguyễn Chí T2** đang ngủ, bị cáo tiếp tục lén lút lấy chiếc ví da trị giá 20.000 đồng, bên trong có 5.570.000 đồng của ông **T2**. Giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong lần thứ hai là 5.590.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt qua hai lần là 9.357.000 đồng. Bị cáo biết các tài sản trên thuộc sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý lén lút chiếm đoạt.

Do đó hành vi của bị cáo **Nguyễn Tấn C** đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Tây Ninh truy tố bị cáo **Nguyễn Tấn C** về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hai lần trộm cắp tài sản vào ngày 22/02/2026 và ngày 25/4/2026, mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" và chưa bị xét xử. Do đó, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội 02 lần trở lên" theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện khai báo hành vi trộm cắp xe mô tô của ông **Phạm Trung H** thực hiện ngày 22/02/2026 trước khi hành vi này bị cơ quan có thẩm quyền phát hiện. Vì vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ "người phạm tội tự thú" theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy mức hình phạt 12 tháng tù là phù hợp, nằm trong mức hình phạt Kiểm sát viên đề nghị.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông **Phạm Trung H** đã nhận lại xe mô tô bị chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét. Ông **Nguyễn Chí T2** đã nhận lại 490.000 đồng. Trước phiên tòa, ông **T2** yêu cầu bị cáo hoàn trả 5.080.000 đồng còn lại, nhưng tại phiên tòa ông **T2** không còn yêu cầu hoàn trả số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về vật chứng, đồ vật, tài liệu đã thu giữ: Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông **Phạm Trung H** xe mô tô biển số 62AB-015.67; trả lại cho ông **Nguyễn Chí T2** chiếc ví da, các giấy tờ tùy thân và 490.000 đồng. Việc trả lại tài sản là phù hợp nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Đối với 01 nón bảo hiểm dạng nửa đầu màu trắng, lưỡi trai màu đen, nhãn hiệu LONG THANH; 01 áo sơ mi dài tay màu xám trắng, nhãn hiệu MANGO; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, nhãn hiệu SLIM FIT, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi ngắn tay màu trắng, nhãn hiệu WIN, đã qua sử dụng và 01 quần tây vải màu đen, không nhãn hiệu: tại phiên tòa, bị cáo đề nghị tiêu hủy. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tịch thu, tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Tấn C** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; các điểm r, s khoản 1 Điều 51 và điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Tấn C** 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/4/2026.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tiếp tục tạm giam bị cáo **Nguyễn Tấn C** 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2026) để đảm bảo thi hành án.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu, tiêu hủy: 01 nón bảo hiểm dạng nửa đầu màu trắng, lưỡi trai màu đen, nhãn hiệu LONG THANH; 01 áo sơ mi dài tay màu xám trắng, nhãn hiệu MANGO; 01 áo sơ mi dài tay màu trắng, nhãn hiệu SLIM FIT, đã qua sử dụng; 01 áo sơ mi ngắn tay màu trắng, nhãn hiệu WIN, đã qua sử dụng và 01 quần tây vải màu đen, không nhãn hiệu.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ông **Phạm Trung H** đã nhận lại 01 xe mô tô nhãn hiệu DEALIMIKD, màu sơn đen đỏ, loại xe hai bánh dưới 50 cm³, biển số 62AB-015.67, số khung RLPGCB7UMRB003649, số máy VZS139FMB106003649, đã qua sử dụng và không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Ông **Nguyễn Chí T2** đã nhận lại 490.000 đồng. Tại phiên tòa, ông **T2** không còn yêu cầu bị cáo hoàn trả 5.080.000 đồng nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo **Nguyễn Tấn C** chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo **Nguyễn Tấn C** và bị hại **Nguyễn Chí T2** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/9/2026). Bị hại **Phạm Trung H** vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 1 – Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Tây Ninh;
- Cơ sở giam giữ;
- UBND phường Khánh Hậu;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Tơ